

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST

Ngày: 27/3/2025

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Duy Suốt

2. Ông Lê Chánh Hiệp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Thạch Thị Thi, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu Ni, Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 117/2025/QĐXXST-DS ngày 06/3/2025, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S** (tên gọi cũ là **Ngân hàng TMCP Đ**); địa chỉ trụ sở chính: G L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ - Nhân viên KHCN – P (theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024) – có mặt.

Bị đơn: **Bà Đặng Thị Thu H1**, sinh năm 1960; nơi cư trú: I C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) - người đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Thị H trình bày: vào năm 2013 bà Đặng Thị thu H1 và Ngân hàng TMCP Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) có ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Visa D ngày 10/12/2013 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013, hạn mức tín dụng là 45.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau: Thẻ tín dụng Visa vàng, số thẻ 0801152597, hạn mức là 45.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 1,5 %/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngày cấp hạn mức Visa là 17/01/2014, ngày hết hạn mức Visa là ngày 31/12/2016. Đến ngày 10/6/2016, Ngân hàng đã chốt nợ với bà H1, hai bên thống nhất bà H1 còn nợ ngân hàng số tiền là 68.420.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 27.512.218 đồng). Do bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Theo điều 8 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D) từ ngày 19/7/2016. Bà H1 đã cam kết với ngân hàng đến tháng 9/2016, bà H1 sẽ tắt toán toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng nhưng đến hết thời hạn cam kết bà H1 vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H1 trả toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 26/3/2025 là 140.379.650 đồng, gồm nợ gốc 27.512.218 đồng, lãi trong hạn là 11.744.795 đồng và lãi quá hạn là 65.451.567 đồng, phí là 35.671.070 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng yêu cầu bà H1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/3/2025 đến ngày bà H1 trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Visa D và Điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ Tín dụng Visa D.

Bị đơn Đặng Thị Thu H1 có bản tự khai trình bày: bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vào năm 2013, bà H1 có ký Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Visa D ngày 10/12/2013 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013, mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời gian đã qua lâu nên bà cũng không nhớ hạn mức. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà cũng thống nhất. Nhưng hiện nay bà H1 đang chấp hành án tại Trại tạm giam H85/QK9 nên bà xin ngân hàng bớt lãi cho bà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng. Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có ký kết Hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013, theo đó Ngân hàng TMCP Đ đã cấp thẻ tín dụng Visa D cho bà Đặng Thị Thu H1 với hạn mức visa 45.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, ngày cấp hạn mức 17/01/2014, ngày đến hạn 31/12/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng đã có biện pháp nhắc nhở như ban hành Thông báo khởi kiện ngày 10/6/2016 và bà H1 đã cam kết đến tháng 9/2016 sẽ hoàn trả hết số nợ và lãi phát sinh là 68.420.047 đồng. Sau đó, bị đơn vẫn không có khả năng trả nợ, do đó ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/7/2016. Xét thấy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên về lãi suất và phí sử dụng dịch vụ, trong đó lãi suất được áp dụng theo Biểu lãi suất thẻ tín dụng do ngân hàng quy định từng thời điểm, còn phí dịch vụ sẽ được thu theo Biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng ban hành từng thời điểm. Thỏa thuận trên được quy định tại Điều 4 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.018.983 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (tên gọi cũ là [Ngân hàng TMCP Đ](#)) khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Thu H1 trả nợ vay do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Mục đích vay vốn của bà H1 là tiêu dùng cá nhân, bà H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận B vì vậy đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định vào ngày 10/12/2013 bà H1 có nộp Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng Visa D. Đến ngày 12/12/2013 [Ngân hàng](#)

TMCP Đ (nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) và bà Đặng Thị Thu H1 có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D, cấp thẻ tín dụng với hạn mức 45.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1.5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H1 đã thực hiện nhiều giao dịch. Ngày 10/6/2016, Ngân hàng đã chốt nợ với bà H1 hai bên thống nhất bà H1 còn nợ ngân hàng số tiền là 68.420.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 27.512.218 đồng). Bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả lãi và sau đó không có khả năng trả nợ gốc, từ ngày 19/7/2016 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này sang nợ quá hạn. Bà H1 thừa nhận bà còn nợ tiền ngân hàng và cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Do đó, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (tên gọi cũ là **Ngân hàng TMCP Đ**) yêu cầu bà H1 trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về số tiền nợ gốc: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc là 27.512.218 đồng. Bà H1 được cấp hạn mức tín dụng là 45.000.000 đồng, trong quá trình sử dụng thẻ bà đã trả được một phần gốc cho ngân hàng nay bà chỉ còn nợ tiền gốc là 27.512.218 đồng. Xét nội dung các đương sự thỏa thuận về số tiền, mục đích cấp tín dụng là tự nguyện, nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, do đó, thỏa thuận tín dụng giữa các bên có hiệu lực pháp luật. Chủ thẻ đã sử dụng số tiền theo thẻ tín dụng nhưng vi phạm thanh toán tiền nợ, **bà H1 cũng không có ý kiến gì đối với số nợ gốc nên** yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 27.512.218 đồng được chấp nhận.

[4]. Về số tiền lãi: Bị đơn đề nghị giảm tiền lãi, tuy nhiên, việc giảm lãi theo chính sách thu hồi nợ của ngân hàng tùy theo điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả nợ cụ thể, về thời gian và cách thức trả nợ thì hai bên có thể thỏa thuận trong quá trình thi hành án. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn và lãi quá hạn là có căn cứ. Về mức lãi suất được áp dụng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được

4

thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định về lãi của Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (tạm tính đến ngày 26/3/2025), cụ thể như sau: lãi trong hạn là 11.744.795 đồng và lãi quá hạn là 65.451.567 đồng, phí là 35.671.070 đồng.

[5] Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng nghĩa vụ thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 361 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đặng Thị Thu H1 trả cho Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (tên gọi cũ là **Ngân hàng TMCP Đ**) số tiền tính đến ngày 26/3/2025 là 140.379.650 đồng, gồm nợ gốc 27.512.218 đồng, lãi trong hạn là 11.744.795 đồng và lãi quá hạn là 65.451.567 đồng, phí là 35.671.070 đồng. Bà H1 tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng D ngày 12/12/2013 trên số tiền chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà H1 nộp 7.018.983 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 3.431.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số 0001396 ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q . Bình Thủy;
- THA Q. Bình Thủy;
- Lưu (HS - 2b)

Đinh Thanh Thảo